

PHẦN I: VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2012/QĐ - UBND

Hải Dương, ngày 17 tháng 01 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng
dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Hải Dương**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 102/2008/NĐ - CP ngày 15 tháng 9 năm 2008 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 07/2009/TT - BTNMT ngày 10 tháng 7 năm 2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 102/2008/NĐ - CP ngày 15 tháng 9 năm 2008 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 01/TTr - TNMT ngày 05 tháng 01 năm 2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Mạnh Hiễn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu
tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Hải Dương**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 01/2012/QĐ - UBND
ngày 17 tháng 01 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định cụ thể một số nội dung về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về đất đai, tài nguyên nước, địa chất, khoáng sản, môi trường, khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ (*sau đây gọi chung là dữ liệu tài nguyên và môi trường*); trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan, tổ chức cá nhân trong việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định được áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thu thập, quản lý, cung cấp, giao nộp, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Điều 3. Dữ liệu tài nguyên và môi trường

Dữ liệu tài nguyên và môi trường bao gồm:

1. Các loại dữ liệu quy định cụ thể tại Điều 3, Nghị định số 102/2008/NĐ - CP ngày 15 tháng 9 năm 2008 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

2. Các tài liệu về tài nguyên và môi trường được hình thành trong hoạt động quản lý Nhà nước về lĩnh vực đất đai, môi trường, khoáng sản, nước, khí tượng thủy văn do ngành Tài nguyên và Môi trường và các tổ chức kinh tế, xã hội hoạt động trên địa bàn tỉnh xây dựng lên.

3. Kết quả của các dự án, đề án, chương trình, đề tài khoa học thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh hoặc các vùng, khu vực có liên quan.

Điều 4. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Hải Dương

Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường tỉnh Hải Dương bao gồm:

1. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh do Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng, lưu trữ, quản lý;

2. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường do các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh xây dựng, lưu trữ và quản lý được gọi là Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường ngành;

3. Cơ sở dữ liệu thuộc các lĩnh vực quản lý đất đai, tài nguyên nước, địa chất khoáng sản, môi trường, khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ và các dữ liệu chuyên ngành khác về tài nguyên và môi trường do các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng, quản lý và lưu trữ được gọi là Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường thành phần;

4. Cơ sở dữ liệu được tích hợp từ Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường ngành, thành phần được gọi là Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tích hợp.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Thu thập, quản lý, xây dựng, cập nhật dữ liệu

1. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường:

Việc thu thập, lưu trữ, xây dựng, quản lý và cập nhật dữ liệu tại Sở Tài nguyên và Môi trường được thực hiện theo quy định tại điều 10, Thông tư số 07/2009/TT - BTNMT ngày 10 tháng 7 năm 2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Ngoài ra Sở Tài nguyên và Môi trường còn thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh kế hoạch phục chế, số hóa, cung cấp, chia sẻ dữ liệu hàng năm của tỉnh trước ngày 15 tháng 10 hàng năm và theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch khi được phê duyệt;

b) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý sử dụng và khai thác dữ liệu bản đồ địa chính chính qui hệ tọa độ VN 2000, bản đồ nền đang lưu trữ tại Trung tâm Công nghệ Thông tin, phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thành phố, thị xã;

c) Tiếp nhận Danh mục dữ liệu được cung cấp từ Cơ sở dữ liệu của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có ranh giới tiếp giáp với tỉnh;

d) Tổ chức và chỉ đạo Trung tâm Công nghệ Thông tin và các tổ chức sự nghiệp khác có liên quan triển khai thực hiện các dự án xây dựng Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường theo qui định;

e) Lập Danh mục các loại dữ liệu có nguy cơ rách nát, hư hỏng để có kế hoạch phục chế, quản lý, lưu trữ.

2. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành:

a) Xác định những dữ liệu về tài nguyên và môi trường có liên quan đến ngành, tổ chức cần thu thập phù hợp với nội dung và nhiệm vụ của ngành; phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng kế hoạch thu thập dữ liệu tài nguyên và môi trường; bảo quản, bảo mật dữ liệu về tài nguyên và môi trường đã thu thập, được cung cấp theo quy định;

b) Thu thập, xử lý, giao nộp dữ liệu tài nguyên và môi trường theo kế hoạch đã được phê duyệt, theo chức năng, nhiệm vụ được giao;

c) Tiếp nhận dữ liệu tài nguyên và môi trường, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường ngành;

d) Quản lý, khai thác sử dụng và đảm bảo tính thống nhất về dữ liệu do Sở Tài nguyên và Môi trường cung cấp.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã:

a) Thu thập, phân loại, đánh giá, xử lý và lưu trữ dữ liệu trên địa bàn;

b) Tiếp nhận, quản lý, sử dụng hệ thống Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường do Sở Tài nguyên và Môi trường cung cấp có hiệu quả và đúng quy định.

Điều 6. Cung cấp dữ liệu

1. Thẩm quyền cung cấp dữ liệu về tài nguyên và môi trường:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép cung cấp sử dụng dữ liệu thuộc loại mật;

b) Giám đốc các Sở, thủ trưởng các cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã cho phép cung cấp sử dụng dữ liệu thuộc loại khai thác, sử dụng có điều kiện thuộc thẩm quyền quản lý, sử dụng của mình;

c) Giám đốc Trung tâm Công nghệ Thông tin thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường được phép cung cấp và khai thác, sử dụng dữ liệu tài nguyên môi trường khác; cung cấp dữ liệu phục vụ cho các chương trình, đề án, dự án; cho xây dựng và thực hiện các quy hoạch kế hoạch, đề tài khoa học trong phạm vi toàn tỉnh;

d) Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thành phố, thị xã được phép cung cấp sử dụng và khai thác dữ liệu phục vụ cho nhu cầu quản lý Nhà nước thường xuyên; cung cấp dữ liệu cho các công trình, đề án, dự án, luận chứng kinh tế kỹ thuật trên địa bàn quản lý;

đ) Nội dung, nguyên tắc cung cấp dữ liệu thực hiện theo quy định tại Điều 20 Thông tư số 07/2009/TT - BTNMT ngày 10 tháng 7 năm 2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Trách nhiệm cung cấp dữ liệu:

a) Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường có trách nhiệm xây dựng, cung cấp Danh mục dữ liệu và dữ liệu đã được xử lý cho các Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường theo quy định tại khoản 1, Điều 5 Thông tư số 07/2009/TT - BTNMT ngày 10 tháng 7 năm 2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

b) Các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm xây dựng, cung cấp Danh mục dữ liệu và dữ liệu về tài nguyên và môi trường đã được thu thập, xử lý có liên quan đến phạm vi quản lý nhà nước của mình cho Sở Tài nguyên và Môi trường;

c) Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã xây dựng, cung cấp Danh mục dữ liệu và các dữ liệu tài nguyên và môi trường thuộc các dự án là chủ đầu tư, đề án và các dữ liệu liên quan theo phân cấp quản lý thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường theo quy định;

d) Trung tâm Công nghệ Thông tin thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm cung cấp dữ liệu về tọa độ, độ cao, các loại bản đồ địa chính, bản đồ nền, các loại bản đồ chuyên đề cho các tổ chức, cá nhân để khai thác và sử dụng trong các

dự án quy hoạch tổng thể, quy hoạch ngành và các lĩnh vực có liên quan đến sử dụng tài nguyên đất, tài nguyên môi trường, khoáng sản, nước, khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ.

3. Hình thức và trình tự cung cấp dữ liệu:

Tổ chức, cá nhân cung cấp, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường phải tuân theo các hình thức, trình tự và thủ tục quy định tại các Điều 21, 22, 23, 24, 26 Thông tư số 07/2009/TT - BTNMT ngày 10 tháng 7 năm 2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4. Thời hạn cung cấp dữ liệu:

a) Sở Tài nguyên và Môi trường cung cấp dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường cho các Sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã theo các kỳ: 6 tháng (*lấy số liệu từ ngày 01/01 đến hết ngày 30/6*); một năm (*lấy số liệu từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12*);

b) Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã cung cấp dữ liệu cho Sở Tài nguyên và Môi trường theo các kỳ: 6 tháng (*lấy số liệu từ ngày 01/01 đến hết ngày 30/6*); một năm (*lấy số liệu từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12*);

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có yêu cầu cung cấp dữ liệu về tài nguyên và môi trường được Trung tâm Công nghệ Thông tin thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường cung cấp trong các ngày làm việc theo quy định.

Điều 7. Công bố Danh mục dữ liệu

1. Danh mục dữ liệu được công bố trên trang tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh, trang tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường;

Danh mục dữ liệu là danh sách, những dữ liệu hiện có kèm theo chỉ dẫn về phương thức tiếp cận, cơ quan quản lý, địa chỉ truy cập, nơi lưu trữ, bảo quản dữ liệu.

2. Ba năm một lần Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã có trách nhiệm cập nhật, rà soát lại Danh mục dữ liệu tài nguyên và môi trường, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt (*nếu có thay đổi*).

3. Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã có dữ liệu liên quan đến lĩnh vực tài nguyên và môi trường có trách nhiệm lập Danh mục dữ liệu về tài nguyên và môi trường của đơn vị mình gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp chỉnh lý.

4. Trung tâm Công nghệ thông tin thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm đánh giá khả năng khai thác, sử dụng, mức độ phổ biến dữ liệu để tổng hợp và xây dựng Danh mục dữ liệu tài nguyên và môi trường chung, tham mưu cho Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và công bố theo quy định.

Điều 8. Phối hợp, chia sẻ dữ liệu

Việc phối hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các ngành và Ủy ban nhân dân các cấp được thực hiện theo các nguyên tắc quy định tại Điều 28 Thông tư số 07/2009/TT - BTNMT ngày 10 tháng 7 năm 2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Các nội dung chính cần phối hợp, chia sẻ dữ liệu:

1. Phối hợp trong quá trình lập kế hoạch thu thập dữ liệu:

Trong quá trình lập kế hoạch thu thập dữ liệu, cơ quan được giao chủ trì lập kế hoạch, gửi dự thảo kế hoạch đến các Sở, ban, ngành có chức năng quản lý nhà nước liên quan đến lĩnh vực dữ liệu cần thu thập để tham gia ý kiến; trong đó, nêu rõ những hoạt động, nhiệm vụ sẽ phối hợp thực hiện để bảo đảm tránh trùng lặp, chồng chéo nhiệm vụ.

2. Phối hợp trong quá trình thu thập, xử lý dữ liệu:

a) Trong quá trình thực hiện việc thu thập, xử lý dữ liệu, các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và Sở Tài nguyên và Môi trường thường xuyên thông báo, trao đổi bảo đảm nhiệm vụ được thực hiện nhanh chóng, hiệu quả; Trung tâm Công nghệ Thông tin thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường giúp Giám đốc Sở bảo đảm việc thu thập, xử lý dữ liệu tuân thủ đúng quy định, quy trình, quy phạm, quy chuẩn kỹ thuật và bảo đảm chính xác, tin cậy, tiết kiệm kinh phí, nguồn lực;

b) Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; các Sở, ban, ngành quản lý dữ liệu và Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường ngành có trách nhiệm áp dụng các biện pháp nghiệp vụ - kỹ thuật cần thiết để bảo mật hệ thống dữ liệu chung, bảo đảm sự chia sẻ dữ liệu chính xác, kịp thời, hiệu quả cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường cung cấp cho các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã quyền truy cập để khai thác, sử dụng dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường của tỉnh thông qua Website của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Phối hợp với các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã trong việc lập kế hoạch, tổ chức thu thập, kiểm tra, đánh giá, xử lý, cung cấp dữ liệu và khai thác, sử dụng, chia sẻ dữ liệu về tài nguyên và môi trường của tỉnh.

Phối hợp với các cơ quan thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường trong việc tiếp nhận và chia sẻ thông tin theo kế hoạch hàng năm hoặc thông qua các chương trình, dự án phát triển, chuyển giao công nghệ thông tin...

Điều 9. Lưu trữ dữ liệu

1. Trách nhiệm lưu trữ của các cơ quan, tổ chức:

a) Trung tâm Công nghệ Thông tin thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

- Lưu trữ các dữ liệu tài nguyên và môi trường chung toàn tỉnh theo qui định.

- Lưu trữ dữ liệu Hồ sơ địa chính ban đầu, bao gồm: Bản đồ địa chính, sổ địa chính, sổ mục kê, biểu thống kê diện tích; lưu trữ dữ liệu biến động đất đai 5 (lăm) năm một lần do hệ thống tổ chức Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất chuyển đến;

b) Các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã có trách nhiệm lưu trữ dữ liệu tài nguyên và môi trường thuộc phạm vi ngành, huyện, thành phố, thị xã thu thập hoặc được cung cấp, quản lý và sử dụng.

2. Hình thức lưu trữ:

- Dữ liệu phải được lưu trữ trên hệ thống máy chủ và sao lưu 01 bộ ra đĩa CD, đĩa DVD hoặc các thiết bị nhớ chuyên dụng khác;
- Thường xuyên cập nhật, bảo quản và sao lưu định kỳ theo quy định.

Điều 10. Bảo đảm an toàn và bảo mật dữ liệu

Việc bảo đảm an toàn dữ liệu số về tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định tại Điều 32, 33 của Thông tư số 07/2009/TT - BTNMT ngày 10 tháng 7 năm 2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Trung tâm Công nghệ Thông tin thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, phát hiện những dữ liệu không an toàn bảo mật, báo cáo Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định biện pháp giải quyết.

Điều 11. Kinh phí thu thập, xử lý dữ liệu, số hóa và xây dựng cơ sở dữ liệu

Kinh phí thu thập, xử lý dữ liệu, số hóa và xây dựng Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường hàng năm thuộc ngân sách tỉnh đảm bảo; do Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Sở Tài chính xem xét trình Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ theo qui định.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra đôn đốc việc thực hiện Quy định này.
2. Giám đốc các Sở, thủ trưởng các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy định này.
3. Trong quá trình thực hiện Quy định, nếu có vướng mắc các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, nghiên cứu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

CHỦ TỊCH

Nguyễn Mạnh Hiển